TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 346/2026/HS-ST Ngày 27 - 5 -2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Như Phương

2. Bà Trương Thị Ngọc Thương

3. Bà Võ Diệp Tuyết Nhung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Ngọc Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Thành Đủ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2631/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 05 năm 2026 đối với bị cáo:

Phan Trần Q; Sinh ngày 20 tháng 4 năm 1994 tỉnh Gia Lai;

Hộ khẩu thường trú: Tổ E, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai (nay là phường A, tỉnh Gia Lai); Chỗ ơ: C A, Phường A, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Phan Đình Đ và Chị Trần Thị Lệ T;Vợ, con: chưa có; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2024 tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. Có mặt

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Lương P

Địa chỉ: Nhà không số, Ấp A, tổ G, xã V, huyện B (nay là xã V), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

2. Anh Thái Minh T1

Địa chỉ: G H, Phường F, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

3. Anh Đỗ Huy Đ1

Địa chỉ: Nhà không số , Ấp A, tổ G, xã V, huyện B, (nay là xã V) Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

4. Anh Lê Hoàng K

Địa chỉ: G V, V, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

5. Anh Nguyễn Văn T2

Địa chỉ: D N, KP . B, phường A, D, tỉnh Bình Dương (nay là Xã T, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt

6. Chị Đinh Thị Thương T3 và A Ngô Văn S

Địa chỉ: C L 2-6, xã V, huyện B (nay là xã V), Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

7. Anh Nguyễn Văn T4

Địa chỉ:Tổ D, ấp C, L, B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt

8. Anh Nguyễn Hoài A

Địa chỉ: D N, Phường B, Thành phố D, Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt

9. Anh Nguyễn Bảo H

Địa chỉ: NEO 003.001 Căn hộ A, G V, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị Thu H1

Địa chỉ: C A, Phường A, Quận F (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

2. Chị Phan Thị Ngọc Q1

Địa chỉ: 3 Cầu X, T, T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

3. Chị Phan Thị Như Ý

Địa chỉ: D L, xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4. Chị Nguyễn Thị Diễm M

Địa chỉ: 1 P,Phường E, Quận H (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo*:

1. Anh Nguyễn Trọng V và Anh Đỗ Văn L, là luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Trung C, là Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ bạn bè, Phan Trần Quý Q2 anh Nguyễn Lương P và Q tự giới thiệu đang công tác tại quận T. Khoảng tháng 4/2023, Q nói với anh P có quen người bạn tên là T5 công tác tại Hải quan Cảng C, Thành phố Hồ Chí Minh đang thanh lý điện thoại Iphone 14 Pro Max 128G, giá bán là 12.000.000 đồng/chiếc và kêu anh P mua. Thấy rẻ nên anh P rủ anh Thái Minh T1 góp tiền mua 25 chiếc điện thoại với giá 400.000.000 đồng, anh T1 đưa trước 150.000.000 đồng cho Q. Sau khi nhận được tiền, Q chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Trong thời gian này, anh P nghe anh T1 nói có 06 người bạn (không nhớ rõ họ tên, địa chỉ) muốn thi lấy Giấy phép lái xe ô tô hạng B2 nên anh P nhờ Q giúp, Q nói có quen người bạn tên là H2 công tác tại Trung tâm S3 đậu, chi phí 17.000.000 đồng/người. Ngày 17/5/2023, Q kêu anh P đưa trước 90.000.000 đồng và hồ sơ của 06 người dự thi. Anh P nói với anh T1 đưa cho Quý hồ S1 và 102.000.000 đồng. Sau đó, Q yêu cầu đưa thêm 60.000.000 đồng do phát sinh thêm chi phí nên anh T1 đã đưa cho Q 60.000.000 đồng. Do Q không thực hiện như đã thỏa thuận nên anh P và anh T1 đòi lại tiền, Q đã vứt bỏ hồ sơ của 06 người đăng ký dự thi lái xe, trả lại cho anh T1 88.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 74.000.000 đồng.

Do có thời gian làm việc tại Công ty Cổ phần C1 phối hợp với Cảnh sát Giao thông Công an quận T giải quyết các vụ va chạm giao thông nên Q biết trụ sở Công an quận T không có người kiểm tra việc ra vào cổng và sân Công an quận T để nhiều xe bị tạm giữ do vi phạm hành chính nên Q nảy sinh ý định thông báo bán xe vi phạm hành chính do Công an quận T đang tạm giữ. Khi có người đồng ý mua xe thì Q dẫn vào trụ sở Công an quận T xem xe, nếu người mua đồng ý giao tiền cho Q thì Q chiếm đoạt. Q lên mạng tải các biểu mẫu thanh lý tài sản như: Biên bản thanh lý tài sản cố định (TSCĐ), Giấy hẹn danh sách tài sản thanh lý, Hóa đơn thanh lý về máy vi tính, in các biểu mẫu rồi điền thông tin như biển số, loại xe và dung tích vào hồ sơ, mua một con dấu hình chữ nhật có nội dung "BAN THANH LÝ" đóng dấu vào các tài liệu để giao cho người mua xe. Với thủ đoạn trên, Q đã chiếm đoạt tiền của những người bị hại như sau:

1. **Vụ thứ nhất**: Vào khoảng tháng 12/2023, Q nói với anh Nguyễn Lương P có quen với Chỉ huy Đội Cảnh sát giao thông Công an quận T, hiện có 20 xe vi phạm hành chính do Công an quận T bán thanh lý với giá là 100.000.000 đồng. Q gửi hình ảnh các xe cho anh P xem, sau đó dẫn anh P vào trụ sở Công an quận T đi theo lối nội bộ có bảng hiệu "Không phận sự miễn vào" và lên Lầu 1 nhìn xuống sân để xe, anh P tin là thật và rủ anh Đỗ Huy Đ1 góp tiền mua xe.

Khoảng 14 giờ ngày 03/02/2024, Q dẫn anh Đ1 và anh P vào khu vực sân Công an quận T để xem xe. Q đưa cho anh Đ1 và anh P xem hồ sơ của 25 xe máy thanh lý đã chuẩn bị trước gồm: Biên bản thanh lý TSCĐ; Giấy hẹn danh sách tài sản thanh lý; Hóa đơn, giá bán xe là 135.000.000 đồng. Anh Đ1 và anh P đồng ý đưa 135.000.000 đồng mua xe, Q hẹn đến ngày 07/02/2024 sẽ giao xe.

Sau đó, Q yêu cầu anh P đưa thêm 30.000.000 đồng do phát sinh làm Giấy chứng nhận đăng ký xe, anh P đưa cho Q 30.000.000 đồng yêu cầu giao xe thì Q hẹn khoảng tháng 6/2024 mới giao được vì đang bị kiểm tra. Do không nhận được xe, Anh P yêu cầu trả lại tiền thì Q kêu anh P đăng tin tìm khách khác mua xe thì Q mới có tiền trả lại cho anh P. Anh P sử dụng tài khoản Facebook của mình có tên là "Phúc M1" đăng tin bán xe thanh lý trên trang "Hội mua bán xe cũ" và "Hội mua bán xe không giấy tờ" nhằm để Q trả lại tiền. Đến tháng 4/2024, Q kêu anh Đ1 đưa thêm 31.000.000 đồng để làm thủ tục giao xe nhưng không thực hiện. Anh P và anh Đ1 nhiều lần gặp Q đòi lại tiền, Q đã trả được 80.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 116.000.000 đồng.

- **Vụ thứ hai**: Khoảng tháng 3/2024, anh Lê Hoàng K thấy tin đăng bán xe từ tài khoản "Phúc Minh" trên Facebook nên liên lạc với anh P, anh P báo cho Q biết. Ngày 04/3/2024, Q và anh P gặp anh K, Q dẫn anh K lên Lầu A, Công an quận T và chỉ xuống sân để xe cần thanh lý, sau đó báo giá bán 26 xe thanh lý là 142.000.000 đồng và yêu cầu đặt cọc trước 100.000.000 đồng, còn 42.000.000 đồng khi giao xe sẽ thanh toán. Ngày 07/3/2024, Q dẫn anh K và anh P đi ra khu vực dốc lên xuống phía trước khu làm việc của Đội Cảnh sát giao thông, anh K đưa tiền đặt cọc 100.000.000 đồng. Q đưa cho anh K một "Danh sách tài sản thanh lý" và một "Biên bản thanh lý TSCĐ". Anh P kêu Q trả lại tiền đã nhận trước đây thì Q nói tiền bán xe đưa hết cho Công an quận T. Q đưa anh P 2.500.000 đồng tiền công quảng cáo đăng tin bán xe trên trang Facebook.

Ngày 17/3/2024, Q yêu cầu anh K đưa thêm 25.000.000 đồng. Anh K đã đưa cho Q số tiền 67.000.000 đồng (gồm 25.000.000 đồng và 42.000.000 đồng tiền mua xe còn lại). Q đưa cho anh K một hóa đơn bán xe có chữ ký mang tên Nguyễn Khắc N và hình dấu đỏ "ĐÃ NHẬN" và "BAN THANH LÝ". Đến ngày 17/4/2024, Q kêu anh K đưa thêm 15.000.000 đồng để giao xe. Ngày 21/5/2024, Q kêu anh K đóng tiền lưu thông xe mỗi chiếc 500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Q đã đưa cho anh K một "Giấy hẹn" được ký sẵn tên Phan Trần Q và đóng dấu "BAN THANH LÝ". Số

tiền anh K đưa cho Q là 186.700.000 đồng. Sau nhiều lần yêu cầu trả lại tiền, Q đã trả 24.500.000 đồng, còn chiếm đoạt 162.200.000 đồng.

- **Vụ thứ ba:** Ngày 03/4/2024, anh Nguyễn Văn T2 thấy đăng tin bán xe thanh lý từ tài khoản "Phúc Minh" trên Facebook nên liên lạc với anh P, anh P báo cho Q có khách hỏi mua xe. Ngày 04/4/2024, Q hẹn gặp anh P và anh T2, Q giới thiệu với anh T2 mình tên là "Việt" công tác tại Đội Cảnh sát giao thông Công an quận T và đưa cho anh T2 xem danh sách 183 chiếc xe thanh lý, giá của từng loại xe và dẫn anh T2 vào khu vực sân Công an quận T để xem. Sau khi xem xong, anh T2 đồng ý mua 33 xe thanh lý số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 06/4/2024, Q gặp anh P và anh T2, cả ba đến trước khu vực tiếp dân của Đội Cảnh sát giao thông Công an quận T, anh T2 đưa tiền đặt cọc 180.000.000 đồng, Q đưa cho anh T2 danh sách 33 xe thanh lý hẹn ngày 08/4/2024 sẽ bàn giao xe.

Từ ngày 08/4 đến ngày 21/4/2024, anh T2 điện thoại cho Q yêu cầu giao xe thì Q hẹn khoảng 05 đến 10 ngày sau sẽ giao, nhưng không thực hiện. Ngày 22/6/2024, Q điện thoại kêu đưa thêm số tiền 50.000.000 đồng thì anh T2 không đồng ý. Sáng ngày 24/6/2024, anh T2 đến trước phòng tiếp dân của Đội Cảnh sát giao thông Công an quận T gặp Q yêu cầu trả lại tiền, Q trả 90.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 90.000.000 đồng.

- **Vụ thứ tư**: Chị Đinh Thị Thương T3 lên mạng xã hội Facebook vào nhóm "Mua và bán xe ô tô đã qua sử dụng" và kết bạn với tài khoản Facebook tên "Phúc M1". Sau đó, "Phúc Minh" cho chị Thương số điện thoại 0356629813 của Q để thỏa thuận việc mua bán xe. Anh Ngô Văn S (chồng chị T3) đã liên lạc với Q, Q giới thiệu mình tên là "Việt" công tác tại Đội Cảnh sát giao thông Công an quận T. Khoảng 09 giờ ngày 18/7/2024, anh S, chị T3 gặp Q nói có nhu cầu mua 100 chiếc xe Attila thì Q thông báo giá là 1.000.000 đồng/chiếc, xe có giấy tờ thanh lý, có Giấy đăng ký xe, khi mua thì có xe giao tận nhà. Q dẫn anh S vào trong sân Công an quận T để xem xe và yêu cầu đặt cọc 80.000.000 đồng. Anh S đặt cọc 70.000.000 đồng, Q đưa cho anh S ký một "Biên bản thanh lý TSCĐ có chữ ký của "Nguyễn Văn D" và hình dấu vuông "Ban thanh lý". Q yêu cầu khi thanh toán đủ tiền thì sau 15 ngày giao xe. Ngày 28/07/2024, Q kêu anh S thanh toán đủ 30.000.000 đồng. Ngày 30/7/2024, Q kêu anh S đưa thêm 10.000.000 đồng, đến ngày 01/8/2024, S đã đưa cho quý 10.000.000 đồng tại quán cà phê. Ngày 06/8/2024, Q kêu anh S đưa thêm 20.000.000 đồng vì có trên 10 xe còn mới, ngày 07/8/2024 anh S đã đưa cho Q 20.000.000 đồng tiền mặt tại quán cà phê. Khi anh S đưa tiền thì Q đưa cho anh S một "Hóa đơn" danh sách 100 xe máy, hẹn ngày 12/8/2024 bàn giao xe.

Ngày 10/8/2024, Q điện thoại kêu anh S đưa thêm 20.000.000 đồng, nhưng anh S nói chỉ có 15.000.000 đồng và chuyển số tiền này cho Q vào số tài khoản ngân hàng của Q có số 0986781690 thuộc ngân hàng M2. Tổng số tiền Q chiếm đoạt của anh S là 145.000.000 đồng, Q không bàn giao xe. Sau đó anh S đến Công an quận T tìm Q thì biết bị lừa đảo nên làm đơn tố cáo gửi Cơ quan điều tra.

- Vụ thứ năm: Anh Nguyễn Văn T4 và anh Nguyễn Hoài A (bạn anh T4) vào nhóm Facebook "Mua và bán xe ô tô đã qua sử dụng" thì thấy tài khoản "Phúc Minh" đăng tin bán xe thanh lý. Anh T4 và anh Hoài A liên hệ với người xưng tên là V, cán bộ Đội Cảnh sát giao thông Công an quận T. Anh T4 và anh Hoài A liên lạc với Q qua số điện thoại 0356629813, 0567750285 và tài khoản zalo tên "Việt GTSG" để trao đổi việc mua bán xe. Ngày 03/7/2024, anh T4 và anh Hoài A đến Công an quận T và được Q dẫn qua lối đi của Đội Cảnh sát giao thông để vào sân của Công an quận T, Q chỉ cho anh T4 và anh Hoài A xem nhiều xe máy và nói là xe thanh lý. Sau khi xem xe, anh T4 không đồng ý mua do xe đã cũ.

Ngày 04/7/2024, Q tiếp tục hẹn anh T4 và anh Hoài A đến Công an quận T để xem xe, anh T4 và anh Hoài A đồng ý mua 41 xe thanh lý với giá 369.000.000 đồng. Q yêu cầu đặt cọc trước 200.000.000 đồng, số tiền còn lại thanh toán khi nhận được xe, anh T4 đồng ý và giao tiền. Khoảng 08 giờ ngày 13/7/2024, Q hẹn anh T4 và anh Hoài A tại trước Đội Cảnh sát giao thông để đưa số tiền còn lại là 169.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền thì Q hẹn đến ngày 20/7/2024 sẽ bàn giao xe. Đến hẹn, Q không thực hiện nên anh T4 và anh Hoài A yêu cầu trả lại tiền thì Q cắt liên lạc, anh T4 và anh Hoài A đến Công an phường T, quận T để trình báo.

Qua điều tra xác minh, ngày 20/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T ra Quyết định khởi tố bị can, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Phan Trần Q, thu giữ các tài liệu có liên quan đến vụ án như: Biên bản thanh lý tài sản cố định (TSCĐ), Giấy hẹn danh sách tài sản thanh lý, Hóa đơn thanh lý…mà Q đã đưa cho những người bị hại.

Kết luận giám định số 5196/KL-KTHS ngày 07/5/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: "*15 tài liệu có chữ ký, chữ viết của Phan Trần Q đưa cho các anh Đỗ Huy Đ1, Lê Hoàng K, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T4, Ngô Văn S so với chữ viết của Phan Trần Q trên bản tự khai, bản tường trình có chữ ký mang tên Phan Trần Q đề ngày 16/9/2024 là do cùng một người viết ra*" (bút lục số 75, 76).

Kết luận giám định số 4138/KL-KTHS ngày 06/9/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H kết luận: "*Chữ viết trên biên bản thanh lý TSCĐ không đề số, tên TSCĐ C71089 có chữ ký mang tên bán thanh lý Tạ Kim X, người nhận Nguyễn Lương P đề ngày 02/5/2024; chữ viết trên HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN THOẠI đề bên mua Nguyễn Lương P, bên bán Phan Trần Q đề ngày 05/5/2023 so với chữ viết của Phan Trần Q trên bản tự khai, bản tường trình có chữ ký mang tên Phan Trần Q đề ngày 16/9/2024 là do cùng một người viết ra*" (bút lục số 77).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Phan Trần Q khai nhận do không có việc làm và muốn có tiền tiêu xài Q đã đưa ra thông tin không có thật về việc thanh lý điện thoại di động, lo thi đậu giấy phép lái xe và bán xe thanh lý của Công an quận T để chiếm đoạt tiền của anh P, anh T1, anh K, anh T2, anh S, anh T4. Lời khai nhận của bị can phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Số tiền bị can chiếm đoạt của những người bị hại, ngoài việc tiêu xài cá nhân, bị can còn chuyển cho chị Trần Thị Thu H1, Phan Thị Ngọc Q1, Phan Thị Như Ý, Nguyễn Thị Diễm M, anh Nguyễn Lương P để trả tiền vay và cho mượn với số tiền 93.200.000 đồng hiện chị H1, chị Q1, chị Ý, chị M, anh P đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

* **Vật chứng vụ án***:* Có bản kê kèm theo Cáo trạng.

*** Về phần trách nhiệm dân sự:**

- Anh Thái Minh T1 yêu cầu trả lại số tiền 224.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Lương P yêu cầu trả lại số tiền 36.000.000 đồng.

- Anh Đỗ Huy Đ1 yêu cầu trả lại số tiền 80.000.000 đồng.

- Anh Lê Hoàng K yêu cầu trả lại số tiền 162.200.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T2 yêu cầu trả lại số tiền 90.000.000 đồng.

- Anh Ngô Văn S yêu cầu trả lại số tiền 145.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T4 yêu cầu trả lại số tiền 369.000.000 đồng.

Bị cáo chưa trả lại các khoản tiền nêu trên.

Cáo trạng số 501/ CT-VKS-P2 ngày 09 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Phan Trần Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Bị hại: Anh Lê Hoàng K, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Hoài A, Nguyễn Văn S2 và chị Đinh Thị T3 T3 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 14 đến 16 năm tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải hoàn trả các khoản tiền còn lại cho các bị hại.

- Vật chứng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa trình bày tranh luận:

Luận cứ bào chữa của luật sư Nguyễn Trọng V: Luật sư không có ý kiến về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; bị cáo đã trả bị hại tổng số tiền 395.700.000 đồng, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có thân nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo với mức án thấp nhất.

Luật sư Nguyễn Trung C thống nhất với luận cứ bào chữa của luật sư Nguyễn Trọng V, bổ sung bào chữa: Số tiền bị cáo phạm tội đã được cộng lại để truy tố bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự nên đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo thống nhất với ý kiến của các luật sư, không bào chữa bổ sung.

Viện kiểm sát tranh luận: Mỗi lần bị cáo thực hiện hành vi đã đủ yêu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 2 Bộ luật hình sự; Số tiền bị cáo trả cho bị hại rất nhỏ so với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo nói sau cùng: Bị cáo đồng ý trả số tiền như bị hại yêu cầu. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng Điều tra viên và Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp. Người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Một số bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của người tham gia tố tụng trên không ảnh hưởng tới việc xét xử, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với chứng cứ là Hợp đồng mua bán điện thoại và các giấy tờ bị cáo đã làm giả như Danh sách tài sản thanh lý, Hóa đơn, Giấy hẹn và các tài liệu khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Từ những phân tích

trên, có đủ căn cứ để xác định: Từ tháng 4/2023 đến tháng 8/2024, do cần tiền tiêu xài cá nhân, Q đưa ra các thông tin không có thật về việc thanh lý điện thoại, lo thi đậu lấy Giấy phép lái xe ô tô hạng B2 và bán xe thanh lý của Công an quận T để chiếm đoạt của anh Thái Minh T1 312.000.000 đồng, Nguyễn Lương P 36.000.000 đồng, Đỗ Huy Đ1 196.000.000 đồng, Lê Hoàng K 186.700.000 đồng, Nguyễn Văn T2 180.000.000 đồng, vợ chồng anh Ngô Văn S 145.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn T4 369.000.000 đồng.

Cụ thể như sau:

Khoảng tháng 4/2023, Q nói với anh Nguyễn Lương P có quen người bạn tên là T5 công tác tại Hải quan Cảng C, Thành phố Hồ Chí Minh đang thanh lý điện thoại Iphone 14 Pro Max 128G, giá bán là 12.000.000 đồng/chiếc và kêu anh P mua. Anh P rủ anh Thái Minh T1 góp tiền mua 25 chiếc điện thoại với giá 400.000.000 đồng, anh T1 đưa trước 150.000.000 đồng cho Q. Sau khi nhận được tiền, Q chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Trong thời gian này, Q nói dối anh Nguyễn Lương P có quen người bạn tên là H2 công tác tại Trung tâm S3 đậu, chi phí 17.000.000 đồng/người. Ngày 17/5/2023, Q kêu anh P đưa trước 90.000.000 đồng. Anh P nói với anh T1 đưa cho Quý hồ S1 và 102.000.000 đồng. Sau đó, Q yêu cầu đưa thêm 60.000.000 đồng do phát sinh thêm chi phí nên anh T1 đã đưa cho Q 60.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 162.000.000 đồng. Khi anh P và anh T1 đòi lại tiền, Q đã trả lại cho anh T1 88.000.000 đồng, còn chiếm đoạt 74.000.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo còn thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của những cá nhân sau:

1. **Vụ thứ nhất**: Vào khoảng tháng 12/2023, Q nói với anh Nguyễn Lương P có quen với Chỉ huy Đội Cảnh sát giao thông Công an quận T, hiện có 20 xe vi phạm hành chính do Công an quận T bán thanh lý với giá là 100.000.000đ. Q gửi hình ảnh các xe cho anh P xem, sau đó dẫn anh P vào trụ sở Công an quận T đi theo lối nội bộ có bảng hiệu "Không phận sự miễn vào" và lên lầu 1 nhìn xuống sân để xe, anh P tin là thật và rủ anh Đỗ Huy Đ1 góp tiền mua xe.

Khoảng 14 giờ ngày 03/02/2024, Q dẫn anh Đ1 và anh P vào khu vực sân Công an quận T để xem xe. Q đưa cho anh Đ1 và anh P xem hồ sơ của 25 xe máy thanh lý đã chuẩn bị trước gồm: Biên bản thanh lý TSCĐ; Giấy hẹn danh sách tài sản thanh lý; Hóa đơn, giá bán xe là 135.000.000 đồng. Anh Đ1 và anh P đồng ý đưa 135.000.000 đồng mua xe, Q hẹn đến ngày 07/02/2024 sẽ giao xe.

Sau đó, Q yêu cầu anh P đưa thêm 30.000.000 đồng do phát sinh làm Giấy chứng nhận đăng ký xe, anh P đưa cho Q 30.000.000 đồng yêu cầu giao xe thì Q hẹn khoảng tháng 6/2024 mới giao được vì đang bị kiểm tra. Đến tháng 4/2024, Q kêu anh Đ1 đưa thêm 31.000.000 đồng để làm thủ tục giao xe nhưng không thực hiện. Chiếm đoạt số tiền 196.000.000 đồng. Anh P và anh Đ1 nhiều lần gặp Q đòi lại tiền, Q đã trả được 80.000.000 đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 116.000.000 đồng.

- **Vụ thứ hai**: Khoảng tháng 3/2024, anh Lê Hoàng K thấy tin đăng bán xe từ tài khoản "Phúc Minh" trên Facebook nên liên lạc với anh P, anh P báo cho Q biết. Ngày 04/3/2024, Q và anh P gặp anh K, Q dẫn anh K lên Lầu A, Công an quận T và chỉ xuống sân để xe cần thanh lý, sau đó báo giá bán 26 xe thanh lý là 142.000.000 đồng và yêu cầu đặt cọc trước 100.000.000 đồng, còn 42.000.000 đồng khi giao xe sẽ thanh toán. Ngày 07/3/2024, Q dẫn anh K và anh P đi ra khu vực dốc lên xuống phía trước khu làm việc của Đội Cảnh sát giao thông, anh K đưa tiền đặt cọc 100.000.000 đồng. Q đưa cho anh K một "Danh sách tài sản thanh lý" và một "Biên bản thanh lý TSCĐ". Anh P kêu Q trả lại tiền đã nhận trước đây thì Q nói tiền bán xe đưa hết cho Công an quận T. Q đưa anh P 2.500.000 đồng tiền công quảng cáo đăng tin bán xe trên trang Facebook.

Ngày 17/3/2024, Q yêu cầu anh K đưa thêm 25.000.000 đồng. Anh K đã đưa cho Q số tiền 67.000.000 đồng (gồm 25.000.000 đồng và 42.000.000 đồng tiền mua xe còn lại). Q đưa cho anh K một hóa đơn bán xe có chữ ký mang tên Nguyễn Khắc N và hình dấu đỏ "ĐÃ NHẬN" và "BAN THANH LÝ". Đến ngày 17/4/2024, Q kêu anh K đưa thêm 15.000.000 đồng để giao xe. Ngày 21/5/2024, Q kêu anh K đóng tiền lưu thông xe mỗi chiếc 500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Q đã đưa cho anh K một "Giấy hẹn" được ký sẵn tên Phan Trần Q và đóng dấu "BAN THANH LÝ". Số tiền anh K đưa cho Q là 186.700.000 đồng. Sau nhiều lần yêu cầu trả lại tiền, Q đã trả 24.500.000 đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 162.200.000 đồng.

- **Vụ thứ ba:** Ngày 03/4/2024, anh Nguyễn Văn T2 thấy đăng tin bán xe thanh lý từ tài khoản "Phúc Minh" trên Facebook nên liên lạc với anh P, anh P báo cho Q có khách hỏi mua xe. Ngày 04/4/2024, Q hẹn gặp anh P và anh T2, Q giới thiệu với anh T2 mình tên là "Việt" công tác tại Đội Cảnh sát giao thông Công an quận T và đưa cho anh T2 xem danh sách 183 chiếc xe thanh lý, giá của từng loại xe và dẫn anh T2 vào khu vực sân Công an quận T để xem. Sau khi xem xong, anh T2 đồng ý mua 33 xe thanh lý số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 06/4/2024, Q gặp anh P và anh T2, cả ba đến trước khu vực tiếp dân của Đội Cảnh sát giao thông Công an quận T, anh T2 đưa tiền đặt cọc 180.000.000 đồng, Q đưa cho anh T2 danh sách 33 xe thanh lý hẹn ngày 08/4/2024 sẽ bàn giao xe.

Từ ngày 08/4 đến ngày 21/4/2024, anh T2 điện thoại cho Q yêu cầu giao xe thì Q hẹn khoảng 05 đến 10 ngày sau sẽ giao, nhưng không thực hiện. Ngày 22/6/2024, Q điện thoại kêu đưa thêm số tiền 50.000.000 đồng thì anh T2 không đồng ý. Tổng số tiền Q chiếm đoạt của anh T2 là 180.000.000 đồng.Khi anh T2 phát hiện đòi tiền, Q trả 90.000.000 đồng, hiện nay còn chiếm đoạt 90.000.000 đồng.

- **Vụ thứ tư**: Chị Đinh Thị Thương T3 lên mạng xã hội Facebook vào nhóm "Mua và bán xe ô tô đã qua sử dụng" và kết bạn với tài khoản Facebook tên "Phúc M1". Sau đó, "Phúc Minh" cho chị Thương số điện thoại 0356629813 của Q để thỏa thuận việc mua bán xe. Anh Ngô Văn S (chồng chị T3) đã liên lạc với Q, Q giới thiệu mình tên là "Việt" công tác tại Đội Cảnh sát giao thông Công an quận T. Khoảng 09

giờ ngày 18/7/2024, anh S, chị T3 gặp Q nói có nhu cầu mua 100 chiếc xe Attila thì Q thông báo giá là 1.000.000 đồng/chiếc, xe có giấy tờ thanh lý, có Giấy đăng ký xe, khi mua thì có xe giao tận nhà. Q dẫn anh S vào trong sân Công an quận T để xem xe và yêu cầu đặt cọc 80.000.000 đồng. Anh S đặt cọc 70.000.000 đồng, Q đưa cho anh S ký một "Biên bản thanh lý TSCĐ có chữ ký của "Nguyễn Văn D" và hình dấu vuông "Ban thanh lý". Q yêu cầu khi thanh toán đủ tiền thì sau 15 ngày giao xe. Ngày 28/07/2024, Q kêu anh S thanh toán đủ 30.000.000 đồng. Ngày 30/7/2024, Q kêu anh S đưa thêm 10.000.000 đồng, ngày 06/8/2024, Q kêu anh S đưa thêm 20.000.000 đồng vì có trên 10 xe còn mới. Khi anh S đưa tiền thì Q đưa cho anh S một "Hóa đơn" danh sách 100 xe máy, hẹn ngày 12/8/2024 bàn giao xe.

Ngày 10/8/2024, Q điện thoại kêu anh S đưa thêm 20.000.000 đồng, nhưng anh S chỉ chuyển khoản cho Q số tiền 15.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng mà Q cung cấp cho anh S. Tổng số tiền Q chiếm đoạt của anh S là 145.000.000 đồng, Q không bàn giao xe.

- Vụ thứ năm: Anh Nguyễn Văn T4 và anh Nguyễn Hoài A (bạn anh T4) vào nhóm Facebook "Mua và bán xe ô tô đã qua sử dụng" thì thấy tài khoản "Phúc Minh" đăng tin bán xe thanh lý. Anh T4 và anh Hoài A liên hệ với người xưng tên là V, cán bộ Đội Cảnh sát giao thông Công an quận T. Anh T4 và anh Hoài A liên lạc với Q qua số điện thoại 0356629813, 0567750285 và tài khoản zalo tên "Việt GTSG" để trao đổi việc mua bán xe. Ngày 03/7/2024, anh T4 và anh Hoài A đến Công an quận T và được Q dẫn qua lối đi của Đội Cảnh sát giao thông để vào sân của Công an quận T, Q chỉ cho anh T4 và anh Hoài A xem nhiều xe máy và nói là xe thanh lý. Sau khi xem xe, anh T4 không đồng ý mua do xe đã cũ.

Ngày 04/7/2024, Q tiếp tục hẹn anh T4 và anh Hoài A đến Công an quận T để xem xe, anh T4 và anh Hoài A đồng ý mua 41 xe thanh lý với giá 369.000.000 đồng. Q yêu cầu đặt cọc trước 200.000.000 đồng, số tiền còn lại thanh toán khi nhận được xe, anh T4 đồng ý và giao tiền. Khoảng 08 giờ ngày 13/7/2024, Q hẹn anh T4 và anh Hoài A tại trước Đội Cảnh sát giao thông để đưa số tiền còn lại là 169.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền thì Q hẹn đến ngày 20/7/2024 sẽ bàn giao xe. Đến hẹn, Q không thực hiện nên anh T4 và anh Hoài A yêu cầu trả lại tiền thì Q cắt liên lạc. Số tiền Q chiếm đoạt của anh T4 là 369.000.000 đồng

Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự

[3] Xét tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo trả một phần tiền cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo nhiều lần, mỗi lần đủ yêu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ; bị cáo thực hiện hành vi táo bạo liều lĩnh, coi thường pháp luật, nay bị cáo không có khả năng hoàn trả cho bị hại nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại, hiện còn lại là: anh Thái Minh T1 số tiền 224.000.000 đồng; Nguyễn Lương P số tiền 36.000.000 đồng; Đỗ Huy Đ1 số tiền 80.000.000 đồng; Lê Hoàng K số tiền 162.200.000 đồng; Nguyễn Văn T2 số tiền 90.000.000 đồng; Ngô Văn S và Đinh Thị Thương T3 số tiền 145.000.000 đồng; Nguyễn Văn T4 số tiền 369.000.000 đồng.

[6] Đối với anh Nguyễn Lương P: Anh Nguyễn Lương P tin Q là công chức đang công tác tại quận T có khả năng bán xe do Công an quận T thanh lý nên đã đồng ý lên trang mạng facebook giúp Q thông tin bán xe thanh lý để anh K, anh T2, anh S, anh T4 liên hệ mua xe; anh P không biết hành vi gian dối của Q nhằm chiếm đoạt tiền của những người trên và anh P cũng là người bị hại nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[7] Vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Trả lại cho anh Nguyễn Lương P 01 điện thoại di động hiệu Redme.

[8] Đối với những tài liệu bị cáo làm giả để lừa đảo những người mua xe, những tài liệu này không đóng dấu tròn của cơ quan tổ chức nên những tài liệu này không được xác định là tài liệu của pháp nhân ban hành nên cơ quan điều tra không khởi tố bị cáo về hành vi làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức là phù hợp.

[9] Về việc thu hồi số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm việc được với một số cá nhân mà bị cáo đã chuyển tiền cho họ từ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại gồm: Bà Phan Như Ý nhận số tiền 5.000.000 đồng là số tiền bị cáo tặng cho bà Như Ý. Bà Phan Thị Thu H3 nhận 22.000.000 đồng từ bị cáo nhưng không nhớ là tiền gì vì bà làm nghề cầm đồ; bà Nguyễn Ngọc Q3 nhận 1.000.000 đồng là tiền bị cáo mua hải sản; bà Nguyễn Thị Diễm M đã nhận của bị cáo 62.700.000 đồng là tiền bị cáo cho mượn; ông Nguyễn Lương P đã nhận của bị cáo 2.500.000 đồng là tiền công nhờ chạy quảng cáo trên trang Facebook cá nhân; những người này không biết nguồn gốc tiền bị cáo phạm tội mà có, nay họ tự nguyện nộp số tiền đã nhận của bị cáo vào tài khoản của cơ quan điều tra, do vậy số tiền trên được chuyển thành tiền thi hành án của bị cáo đối với bị hại. Đối với số tiền bị cáo chuyển cho các tài khoản khác, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thông tin của chủ tài khoản nhưng chưa có văn bản trả lời, Cơ quan điều tra chưa xác minh được nơi cư trú của các chủ tài khoản nên Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[10] Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra lệnh phong tỏa các tài khoản mà bị cáo đã chuyển tiền cho các tài khoản này trong thời gian bị cáo phạm tội. Do chưa xác minh được chủ tài khoản và chưa xác minh được các tài khoản này liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản ngân hàng do Cơ quan điều tra phong tỏa đối với các tài khoản mà Cơ quan điều tra đã phong tỏa.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phan Trần Q 14 (mười bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2024.

2. Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự:

*Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số IMEI 1: 357771755975559, IMEI 2:357771755607368 (thực nhận 01 đtdđ kiểu Iphone, Imei khay sim 357771755975559, không kiểm tra được đời máy , I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

*Trả lại ông Nguyễn Lương P 01 điện thoại di động hiệu Redme, màu đen số IMEI 1: 863136061698641, IMEI2:863136061698658 (bể lưng, không kiểm tra được đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK 2026/290 ngày 03/3/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

*Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Thái Minh T1 số tiền 224.000.000 (hai trăm hai mươi bốn triệu) đồng; Nguyễn Lương P số tiền 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng; Đỗ Huy Đ1 số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng; anh Lê Hoàng K số tiền 162.200.000 (một trăm sáu mươi hai triệu hai trăm nghìn) đồng; anh Nguyễn Văn T2 số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng; anh Ngô Văn S và chị Đinh Thị Thương T3 số tiền 145.000.000 (một trăm bốn mươi lăm triệu) đồng; anh Nguyễn Văn T4 số tiền 369.000.000 (ba trăm sáu mươi chín triệu) đồng. Tổng cộng 1.106.000.000 (một tỷ một trăm lẻ sáu triệu) đồng.

Số tiền 93.200.000 đồng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp vào tại khoản của Cơ quan điều tra được chuyển thành tiền mà bị cáo phải trả lại cho các bị hại, gồm:

Số tiền 62.700.000 đồng (sáu mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Diễm M đã nộp vào tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H theo Giấy nộp tiền ngày 17/7/2025 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C2; số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bà Phan Như Ý đã nộp vào tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H theo Giấy nộp tiền ngày 30/6/2025 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C2; số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) bà Trần Thị Thu H1 đã nộp vào tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H theo Giấy nộp tiền ngày 11/6/2025 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C2; số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) bà Phan Thị Ngọc Q1 đã nộp vào tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H theo Giấy nộp tiền ngày 12/06/2025 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C2; số tiền 2.500.000 đồng Nguyễn Lương P đã nộp vào tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H theo Giấy nộp tiền số 11635774 và số 11635762 ngày 09/9/2025 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C2.

Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền là 1.012.800.000 (một tỷ không trăm mười hai triệu tám trăm nghìn) đồng để thi hành án cho bị hại.

* Hủy bỏ các Lệnh phong tỏa sau:

- Lệnh phong tỏa số 9050/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 8634997 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 1049/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 9893507 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 0948/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 25699337 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 0947/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 85699337 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 9045/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 32647237 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 9044/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 3337247 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 9043/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 32230917 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 9042/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 19417097mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 9040/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 8891471686 mở tại Ngân hàng Đ2.

- Lệnh phong tỏa số 9039/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 1070106978001 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q4.

- Lệnh phong tỏa số 9038/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 190719989999 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q4.

- Lệnh phong tỏa số 9037/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 46838389999 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q4.

- Lệnh phong tỏa số 9036/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 0926145555 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q4.

- Lệnh phong tỏa số 9035/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 0986781690 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q4.

- Lệnh phong tỏa số 9034/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 39993399399 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q4.

- Lệnh phong tỏa số 9033/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 1018068389 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S4.

- Lệnh phong tỏa số 9031/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 0968936707 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S4.

- Lệnh phong tỏa số 9032/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 1018785675 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S4.

- Lệnh phong tỏa số 9015/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh

sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 103879276999 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2.

- Lệnh phong tỏa số 9014/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 279209028 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1.

- Lệnh phong tỏa số 9041/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 5006205040205 mở tại Ngân hàng N1.

- Lệnh phong tỏa số 9017/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 101879410920 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2.

- Lệnh phong tỏa số 9018/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 107880729585 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2.

- Lệnh phong tỏa số 9019/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 109878571241 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2.

- Lệnh phong tỏa số 9020/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 9393630038 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2.

- Lệnh phong tỏa số 9022/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 9379302784 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2.

- Lệnh phong tỏa số 9023/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 1044913219 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2.

- Lệnh phong tỏa số 9024/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 1046082038 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2.

- Lệnh phong tỏa số 9026/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 71002691964 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2.

- Lệnh phong tỏa số 9027/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 9822229999 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2.

- Lệnh phong tỏa số 9028/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 9999913131 mở tại Ngân

hàng Q5.

- Lệnh phong tỏa số 9029/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 19035384297012 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2.

- Lệnh phong tỏa số 9030/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 19036746855015 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K2.

- Lệnh phong tỏa số 9064/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 11259327 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 9063/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 7149921 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 9060/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 3976887 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 9059/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 20356767 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 9058/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 39763087 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

- Lệnh phong tỏa số 9057/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 1017680194 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2.

- Lệnh phong tỏa số 9055/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 821000193228 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2.

- Lệnh phong tỏa số 9054/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 1044087736 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2.

- Lệnh phong tỏa số 9053/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 1044053095 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2.

- Lệnh phong tỏa số 9052/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 0965251812 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q4.

- Lệnh phong tỏa số 9051/LPT-VPCQCSĐT ngày 03/6/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H phong tỏa tài khoản 40025667 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á.

3. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 42.384.000 (bốn mươi hai triệu ba trăm tám mươi tư nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao; (1)
- VKSND Tối cao; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- CQ CSĐT - CA TP. HCM; (1)
- CQ THAHS TP. HCM; (1)
- CQ THADS TP. HCM; (1)
- Trại tạm giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Các bị hại; (9)
- Người có QLNVLQ; (4)
- Những người bào chữa; (3)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (40) (6)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thương Huyền